

Số: 40/BC7N-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 02/10/2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 22 - 28⁰C Cao nhất: 25 - 32⁰C Thấp nhất: 19 - 23⁰C

Độ ẩm trung bình: 78 - 83 % Cao nhất: 80 - 85 % Thấp nhất: 75 - 80 %

Khu vực các huyện phía Tây và phần giữa của tỉnh: (Chư Păh, Ia Grai, Chư Prông, Đức Cơ, Chư Sê, Chư Pưh, Đak Đoa, Mang Yang, Pleiku): Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, có mưa rào và giông rải rác. Khu vực các huyện phía Đông và Đông Bắc tỉnh: (Đak Pơ, Kbang, Kông Chro, thị xã An Khê) và khu vực các huyện phía Đông Nam tỉnh: (Ia Pa, Phú Thiện, thị xã Ayun Pa, Krông Pa) mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, có mưa rào và giông rải rác. Khuyến cáo: chiều tối và tối có mưa rào và giông, trong cơn giông cần đề phòng xảy ra mưa lớn cục bộ, lốc, sét và gió giật mạnh.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Mùa 2024	Sớm	Chín - thu hoạch	8.085,3	
	Đại trà	Trỗ - chín	26.403,0	
	Muộn	Đòng - trỗ	6.330,0	
	Tổng cộng		40.818,3	

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
- Nhóm cây lương thực		34.155,9	
Cây Ngô	Cây con, trỗ cờ - phun râu	34.155,9	
- Nhóm cây tinh bột		80.107,6	
+ Cây sắn (Vụ Đx)	Phát triển củ	10.581,4	
+ Cây sắn (TM vụ Mùa)	Cây con	66.537,2	
+ Cây Khoai lang	Phát triển rễ	2.989,0	
- Nhóm cây rau, dưa; đậu các loại		36.658,9	

+ Cây Rau, dưa các loại	Các giai đoạn	19.742,6	
+ Đậu các loại	Cây con	16.916,3	
- Nhóm cây CNNN		6.028,6	
+ Cây mía (TM)	Đẻ nhánh, vuron lóng, tích lũy đường	1.598,0	
+ Mè	Cây con	2.417,0	
+ Cây lạc	Cây con	2.013,6	
- Cây hàng năm khác		7.331,5	
- Nhóm cây CNDN		241.233,1	
+ Cây Cà phê	Chăm sóc, quả non	108.193,20 (TM+TC: 2.353,2; CS: 10.931; KD: 94.909)	
+ Cây Tiêu	Chăm sóc	7.894,4 (TM+TC: 119,4; KD: 6.601; CS: 1.174)	
+ Cây Điều	Chăm sóc	39.859,3 (TM +TC: 59,3; CS:5.125; KD: 34.675)	
+ Cây Cao su	Chăm sóc	84.715,2 (TM+TC: 297,2; CS: 32.858; KD: 51.560)	
+ Cây Chè	Chăm sóc	571,0 (CS: 13; KD: 558)	
- Nhóm cây ăn quả		32.376,0	
+ Chăm sóc	Các giai đoạn	30.257,0	
+ Trồng mới	KTCB	2.118,6	

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa: Làm đồng, trổ, chín, thu hoạch					
1	Bọ trĩ	3,0	10,0		C1-C3	Kbang
2	Sâu cuốn lá nhỏ	1,0	25,0		C1-C5	Phú Thiện, Đak Đoa, Pleiku, Ia Pa
3	Bệnh khô vằn	3,0	28,0		C1-C3	Mang Yang, Ia Grai, Chư Păh
4	Sâu đục thân (Bông bạc)	2,0	6,0		C1-C3	An Khê
5	Bệnh đốm nâu	3,0	30,0		C1-C5	Đức Cơ, Đak Đoa, Mang Yang, Pleiku
II	Cây Rau: Các giai đoạn					
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	10,0	20,0		C1-C2	Pleiku, An Khê

2	Sâu tơ (họ thập tự)	4,0	20,0		C1-C3	Đăk Pơ, Pleiku
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	4,0	15,0		C1-C5	Đăk Pơ, An Khê
III	Nhóm cây CNNN					
1	Cây Mía: Đẻ nhánh, vươn lóng					
-	Xén tóc	1,0	10,0		C1-C3	Phú Thiện, An Khê, Kbang...
-	Bọ hung	1,0	2,0		C1-C3	An Khê, Đăk Pơ
-	Sâu đục thân	1,0	20,0		C1-C3	Krông Pa, Đăk Pơ, Kbang
-	Trắng lá mía	1,0	30,0		C1-C3	Ayun Pa, Krông Pa
2	Cây Sắn: Phát triển thân, củ; thu hoạch					
	Khảm lá virus	1,0	26,7		C1-C9	Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Ayun Pa, Chư Păh, Chư Prông
IV	Nhóm cây CNDN					
1	Cà phê: Chăm sóc, nuôi quả					
-	Rệp sáp	3,0	50,0		C1-C2	Kbang, Ia Grai, Pleiku, Chư Puh
-	Rệp vảy (xanh, nâu)	2,5	50,0		C1-C2	Mang Yang, Ia Grai, Pleiku
-	Bệnh khô cành	2,0	50,0		C1-C2	Chư Prông, Đăk Đoa, Đứ Cơ, Chư Păh, Ia Grai, Pleiku
-	Bệnh khô quả	5,0	15,0		C1-C3	Chư Păh
2	Cây Tiêu: Chăm sóc, quả non					
-	Bệnh chết chậm	1,0	25,0		C1-C3	Chư Prông, Mang Yang, Đăk Đoa...
-	Tuyến trùng	2,0	30,4		C1-C3	Đăk Đoa, Mang Yang, Chư Puh...
3	Cây Điều: Chăm sóc					
-	Bọ xít muỗi	1,0	10,0		C1-C2	Ia Grai, Krông Pa, Đứ Cơ, Kông Chro
-	Sâu đục thân, cành	4,0	30,0		C1-C3	Đứ Cơ, Ia Grai
V	Cây ăn quả					
1	Cây sầu riêng: Chăm sóc, thu hoạch					
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	3,0	30,0		C1-C3	Chư Prông, Đăk Đoa
-	Bệnh thối gốc	2,0	10,0		C1-C3	Đứ Cơ
2	Cây chanh leo: Chăm sóc, thu hoạch					
-	Bệnh virus	5,4	16,7		C1-C3	Chư Prông
-	Ruồi đục quả	5,0	16,5		C1-C2	Chư Prông, Đăk Đoa

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cây lúa: Làm đồng, trổ, chín, thu hoạch							
1	Bọ trĩ	48				48	-	Kbang
2	Sâu cuốn lá nhỏ	105,0				105,0	10	Phú Thiện, Đak Đoa, Đức Cơ
3	Bệnh khô vằn	318,3	2,0			320,3	9,0	Mang Yang, Chư Păh, Ia Grai
4	Sâu đục thân (Bông bạc)	11,0				11,0	4,7	An Khê
5	Bệnh đốm nâu	362,8				362,8	10,0	Đức Cơ, Đak Đoa, Mang Yang, Pleiku.
II	Cây Rau: Các giai đoạn							
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	42,4				42,4	33,4	Pleiku, An Khê
2	Sâu tơ (họ thập tự)	111	45			156	105	Pleiku, Đăk Pơ
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	89,2	49,2			138,4	83,4	An Khê, Đăk Pơ
III	Nhóm cây CNNN							
1	Cây Mía: Đẻ nhánh, vươn lóng							
-	Xén tóc	218				218	28	Phú Thiện, An Khê, Kbang, Đăk Pơ
-	Bọ hung	26				26	16	An Khê, Đăk Pơ
-	Sâu đục thân	80,8	3,0			83,8	13	Krông Pa, Đăk Pơ, Kbang
-	Trắng lá mía	12,2				12,2	-	Ayun Pa, Krông Pa
2	Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ; thu hoạch							
	Khảm lá virus	1.191,4	245,3	50,3		1.487,0	-	Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Ayun Pa, Chư Prông, Chư Păh
IV	Nhóm cây CNDN							
1	Cà phê: Chăm sóc, nuôi quả							
-	Rệp sáp	631,5	8,0			639,5	135	Kbang, Ia Grai, Pleiku, Chư Păh
-	Rệp vảy (xanh, nâu)	730,5	12,0			742,5	113	Mang Yang, Ia Grai, Pleiku
-	Bệnh khô cành	898,0	243,5			1.141,5	576	Chư Prông, Đak Đoa, Đức Cơ...
-	Bệnh khô quả	40,0	10,0			50,0	-	Chư Păh
2	Cây Tiêu: Chăm sóc, quả non							
-	Bệnh chết chậm	397	301,3	92,3		790,6	174	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa...

-	Tuyến trùng	374	387,6	171		932,6	155	Đak Đoa, Mang Yang, Chư Pưh...
3	Cây Điều: Chăm sóc							
-	Bọ xít muỗi	326,3	58,7			385,0	235	Ia Grai, Krông Pa, Đức Cơ
-	Sâu đục thân, cành	364	181,6			545,6	210	Đức Cơ, Ia Grai
V	Cây ăn quả							
1	Cây sầu riêng: Chăm sóc, thu hoạch							
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	10				10	08	Chư Prông, Đak Đoa
-	Bệnh thối gốc	05				05	02	Đức Cơ
2	Cây chanh leo: Chăm sóc, thu hoạch							
-	Bệnh virus	05				05	-	Chư Prông
-	Ruồi đục quả	20				20	05	Chư Prông, Đak Đoa

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

3.1. Trên cây lúa vụ Mùa 2024

- Bọ trĩ gây hại với TLH 3,0-10,0%, diện tích nhiễm (DTN) 48 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Kbang.

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại với TLH 1,0-25,0%, DTN 105,0 ha (nhẹ), giảm 186,3 ha so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Phú Thiện, Đak Đoa, Đức Cơ.

- Bệnh khô vằn gây hại với TLB 3,0-28,0%, DTN 320,3 ha (nhẹ 318,3 ha, trung bình 2,0 ha), tăng nhẹ 4,5 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Mang Yang, Chư Păh, Ia Grai.

- Sâu đục thân (bông bạc) gây hại với TLH 2,0-6,0%, DTN 11,0 ha (nhẹ), giảm 11,2 ha so với kỳ trước, gây hại tại thị xã An Khê.

- Bệnh đốm nâu gây hại với TLB 3,0-30,0%, DTN 362,8 ha (nhẹ), giảm 35,0 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đak Đoa, Đức Cơ, Mang Yang và thành phố Pleiku.

- Các đối tượng sinh vật hại khác (chuột, ốc bươu vàng, sâu đục thân...) gây hại tương đương so với cùng kỳ.

3.2. Trên cây rau: Sâu tơ (*họ thập tự*), bệnh phấn trắng (*họ bầu bí*), bệnh thán thư (*cây ớt*) gây hại tăng nhẹ so với kỳ trước.

3.3. Trên cây công nghiệp ngắn ngày

- Cây mía:

+ Xén tóc gây hại với TLH 1,0-10,0%, DTN 218 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Phú Thiện, Kbang, Đăk Pơ và thị xã An Khê.

+ Bọ hung gây hại với TLH 1,0-2,0 con/m², DTN 26 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại cục bộ tại huyện Đăk Pơ và thị xã An Khê.

+ Sâu đục thân gây hại với TLH 1,0-20,0%, DTN 83,8 ha (nhẹ 80,8 ha, trung bình 3,0 ha), tăng nhẹ 4,7 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Kbang, Đăk Pơ và Krông Pa.

+ Bệnh trắng lá mía gây hại với TLB 1,0-30,0%, DTN 12,2 ha (nhẹ), tăng nhẹ so với kỳ trước, gây hại tại huyện Krông Pa và thị xã Ayun Pa.

- Cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại với diện tích nhiễm (DTN) 1.487 ha (nhẹ

1.191,4 ha, trung bình 245,3 ha, nặng 50,3 ha), giảm 5.201,4 ha so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nhiễm khảm lá sần gây hại tại huyện Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Chư Păh, thị xã Ayun Pa và huyện Chư Prông.

3.4. Trên cây công nghiệp dài ngày

- Cây cà phê:

+ Rệp sáp gây hại với TLH 3,0-50,0%, DTN 639,5 ha (nhẹ 631,5 ha, trung bình 8,0 ha), giảm 7,2 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Kbang, Ia Grai, Pleiku.

+ Rệp vảy (xanh, nâu) gây hại với TLH 2,5-50%, DTN 742,5 ha (nhẹ 730,5 ha, trung bình 12,0 ha), giảm 29,4 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Mang Yang, Ia Grai, Pleiku.

+ Bệnh khô cành gây hại với TLB 2,0-50,0%, DTN 1.141,5 ha (nhẹ 974,0 ha, trung bình 169,5 ha), giảm 2,0 ha so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Chư Prông, Ia Grai, Đak Đoa, thành phố Pleiku....

+ Bệnh khô quả gây hại với TLB 5,0-15,0%, DTN 50,0 ha (nhẹ 40,0 ha, trung bình 10,0 ha), giảm 5,0 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Păh.

+ Các đối tượng sinh vật khác (đom đóm mắt cua, mọt đục quả, bệnh đen hạt, nấm hồng...) gây hại rải rác.

- Cây tiêu:

+ Bệnh vàng lá chết chậm gây hại với TLB 1,0-25,0%, DTN 790,6 ha (nhẹ 397 ha, trung bình 301,3 ha, nặng 92,3 ha), giảm 1,6 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại các huyện Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa, Chư Puh, Chư Sê, Đứơng Cơ, Chư Păh và thành phố Pleiku.

+ Bệnh tuyến trùng gây hại với TLB 2,0-30,4%, DTN 932,6 ha (nhẹ 374 ha, trung bình 387,6 ha, nặng 171 ha), giảm 22,4 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Mang Yang, Chư Puh, thành phố Pleiku. . .

- Cây điều:

+ Bọ xít muỗi gây hại với TLH 1,0-10,0%, DTN 385,0 ha (nhẹ 326,3 ha, trung bình 58,7 ha), giảm 185,2 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Ia Grai, Krông Pa, Đứơng Cơ, Kông Chro.

+ Sâu đục thân, cành gây hại với TLH 4,0-30,0%, DTN 545,6 ha (nhẹ 364 ha, trung bình 181,6 ha), giảm 41,9 ha so với kỳ trước, gây hại tại Đứơng Cơ, Ia Grai.

3.5. Trên cây ăn quả

- Cây sầu riêng:

+ Bệnh cháy lá, chết đọt gây hại với TLB 3,0-30,0%, DTN 10 ha (nhẹ), giảm 1,0 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa.

+ Bệnh thối gốc gây hại với TLB 2,0-10,0%, DTN 05 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đứơng Cơ; một số sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

- Cây chanh leo:

+ Bệnh virus gây hại với TLH 5,4-16,7%, DTN 05 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông.

+ Ruồi đục quả gây hại với TLH 5,0-16,5% DTN 20 ha (nhẹ), tăng nhẹ 5,0 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa.

3.6. Cây trồng khác: Sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích nhỏ và mật độ gây hại thấp.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Trên lúa trà sớm: Đang thu hoạch, bệnh lem lép hạt, khô vằn... gây hại rải rác. Trên lúa trà chính vụ và trà muộn: Bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn, rầy nâu... tiếp tục phát sinh gây hại.

- **Trên cây rau:** Các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại rải rác và tăng nhẹ trên những diện tích nhiễm từ trước.

- **Trên cây mía:** Bọ hung, xén tóc, sâu đục thân tiếp tục gây hại trên diện tích đã bị nhiễm. Bệnh trắng lá mía xuất hiện gây hại rải rác.

- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus hại sắn tiếp tục gây hại tăng nhẹ trên các diện tích đã nhiễm từ trước và diện tích sắn trồng mới.

- **Trên cây cà phê:** Rệp các loại, bệnh gỉ sắt, khô cành, khô quả gây hại giảm do thời tiết và công tác phòng trừ của người dân. Bệnh nấm hồng phát sinh gây hại. Mọt đục cành, sâu đục thân, thán thư gây hại rải rác trên cà phê KTCB. Bệnh thối cuống rụng quả gây hại tăng nhẹ trên những vườn chăm sóc kém, bị rệp sáp, rệp vảy gây hại nặng.

- **Trên cây tiêu:** Bệnh héo chết nhanh, vàng lá chết chậm, tiếp tục gây hại trên những diện tích nhiễm từ trước. Rệp sáp gốc, thân, cành gây hại có chiều hướng giảm. Bọ xít lưới xuất hiện gây hại cục bộ.

- **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi, sâu đục thân cành, sâu đục rệp lá... tiếp tục gây hại trên những diện tích đang ra lá, đọt non.

- Trên cây ăn quả:

+ Trên cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mũ gây hại rải rác và tiếp tục gia tăng. Rệp xo bông trắng gây hại cục bộ.

+ Trên cây chanh dây: Đối với nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, thối thân thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*) gia tăng nhẹ. Đối với nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muỗi, bọ phấn, bọ trĩ*) tiếp tục gây hại.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh gây ra trong thời gian tới, các địa phương cần triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hướng dẫn tại các Văn bản như: Văn bản số 1354/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 19/4/ về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng trong vụ Mùa và cả năm 2024; Văn bản số 1375/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 19/4/2024 về việc hướng dẫn sản xuất vụ Mùa năm 2024 trên địa bàn tỉnh đối với lĩnh vực trồng trọt; Văn bản số 538/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 25/6/2024 về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại trên một số cây trồng chủ lực trong mùa mưa năm 2024; Văn bản số 648/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 02/8/2024 về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng trừ dịch hại cây trồng trong vụ Mùa năm 2024. Cụ thể như sau:

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (GAP). Bón phân đúng thời kỳ, đầy đủ, cân đối N, P, K, không bón quá nhiều lượng phân đạm. Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu bệnh có thể phát sinh gây hại mạnh theo các giai đoạn phát

triển của cây lúa như: chuột, ốc bươu vàng, sâu đục thân, bệnh đạo ôn. Đối với bộ trĩ sử dụng thuốc có hoạt chất như: *Imidacloprid* (Viconдор 50EC, Viconдор 700WP...) *Abamectin* (Abagro 1.8 EC, Abatin 1.8 EC...), pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. Đối với bệnh đốm nâu, khuyến cáo người dân sục bùn, bón vôi để khử chua đồng thời bón phân cân đối theo từng giai đoạn sinh trưởng để giúp cho cây lúa phát triển tốt, tăng cường khả năng chống chịu bệnh.

- **Trên cây rau các loại:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, chỉ sử dụng thuốc trong danh mục cho rau và đảm bảo đúng thời gian cách ly theo hướng dẫn trên bao bì.

- **Trên cây mía:**

+ Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và kịp thời tổ chức tiêu hủy nguồn bệnh trắng lá trên đồng ruộng.

+ Đối với xén tóc: Thường xuyên kiểm tra trên các diện tích đã bị nhiễm xén tóc, những ruộng mía có mật độ trên 02 con/gốc tiến hành xử lý ngay bằng thuốc sinh học có gốc *Metarhizium*, tiến hành cày rãnh sau đó rải thuốc và lấp đất lại; liều lượng dùng 3-4 kg/ha. Dùng bẫy đèn để bắt con trưởng thành khi vũ hóa, khi có những đợt mưa lớn.

+ Đối với những ruộng mía đang bị bọ hung gây hại: Làm cỏ, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư cây mía (gốc, lá già) đem tiêu hủy. Dùng một trong các loại thuốc trừ bọ hung có hoạt chất như *Emamectin benzoate*, *Chlorpyrifos methyl*... bón vào hai bên gốc mía, sau đó vun thành luống. Có thể sử dụng biện pháp thủ công tập trung bắt bọ hung non và trưởng thành đem tiêu hủy, đây là biện pháp mang lại hiệu quả phòng trừ cao, hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Đối với những ruộng mía bị sâu đục thân gây hại: Rải hoặc phun cục bộ những đoạn mía bị hại hoặc có triệu chứng sâu mới xâm nhập (héo lá bên, lốm đốm trắng do sâu đục thân 4 vạch) bằng các loại thuốc như *Padan 95SP*, *Supertar 950SP*, *Sago-Super 3GR*... pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ.

- **Trên cây sắn:**

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Văn bản số 622/TT-CLT ngày 29/5/2019 của Cục Trồng trọt về ban hành Quy trình canh tác sắn, quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá và quy trình tự sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá; Văn bản số 1772/BVTV-TV ngày 08/8/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn (nội dung Quy trình được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai; địa chỉ: <https://cctbvtv.gialai.gov.vn/quy-trinh-ky-thuat-quan-ly-tong-hop-benh-kham-la-san/>)

+ Sử dụng nguồn giống sắn sạch bệnh, giống sắn ít bị nhiễm bệnh như KM94, giống kháng bệnh; hạn chế việc trao đổi, mua bán giống không rõ nguồn gốc, giống bị nhiễm bệnh nặng như HL-S11. Khuyến cáo người dân trồng giống sắn HN5, là giống sắn có năng suất khá cao, kháng bệnh khảm lá virus (*giống HN5 đã được Viện Di truyền Nông nghiệp công bố lưu hành tại các tỉnh Tây Nguyên từ ngày 23/11/2023*).

+ Bón phân cân đối, phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây, giúp

cây sản sinh trưởng phát triển thuận lợi, tăng khả năng kháng bệnh khảm lá sần.

- **Trên cây cà phê:** Hướng dẫn nông dân cắt cành, tạo tán, tạo độ thông thoáng cho cây, vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, thu gom những cành bị sâu bệnh ra khỏi vườn để tiêu hủy nhằm giảm nguồn tích lũy gây hại. Thường xuyên kiểm tra vườn cây, theo dõi sự phát sinh gây hại của gỉ sắt, nấm hồng, thán thư để chủ động phòng trừ. Đối với cà phê trồng mới, KTCB thường xuyên thăm vườn để quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời.

+ Đối với bệnh gỉ sắt phun cục bộ những cây bị nhiễm bằng các thuốc có hoạt chất như *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Difenoconazole* (Amistar Top 325SC, Ara-super 350SC, Mix Perfect 525SC...). Những vườn cà phê rụng quả do bệnh thán thư gây ra (*Collectotrichum coffeanum*): Hướng dẫn người dân xử lý sớm, kịp thời bằng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất: *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Metalaxyl + Mancozeb* (Met-Helmer 72WP, Manmetpul 58WP...) pha theo nồng độ khuyến cáo của nhà sản xuất; nếu bệnh nặng phun kép 02 lần, cách nhau 7-10 ngày.

+ Đối với bệnh nấm hồng: Vườn cà phê trồng dày, thoát nước kém thường bị bệnh hại nặng. Khi phát hiện bệnh có thể sử dụng thuốc có hoạt chất *Validamycin*, *Copper Hydroxide*, *Hexaconazole*... phun đều lên cành, chùm quả của cây.

- Trên cây tiêu:

Cắt tia cành tăm, cành sâu bệnh, cành sát mặt đất làm cho vườn tiêu thông thoáng hạn chế sự tiêu hao dinh dưỡng và phát sinh gây hại của sâu bệnh. Vun cao góc tiêu để tránh ngập úng. Đối với những vườn có độ dốc thấp dưới 10^0 , đất bằng phẳng phải thiết kế mương thoát nước.

+ Đối với bệnh vàng lá chết chậm: Không nên để vườn bị ngập nước và quá ẩm ướt, cây bị nặng cần nhổ bỏ để tiêu hủy nguồn bệnh. Khi có triệu chứng bệnh xuất hiện, có thể dùng thuốc có hoạt chất như *Thiophanate - Methyl*, chế phẩm *Trichoderma* sp. phun hoặc tưới gốc với nồng độ và liều lượng như khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Đối với bệnh héo chết nhanh: Không lấy hom giống ở những cây hồ tiêu đã bị nhiễm bệnh; xử lý hom giống bằng một trong các loại thuốc trừ nấm. Cắt bỏ các dây lươn và các cành nhánh cách mặt đất khoảng 20 - 30 cm, dọn vườn sạch sẽ, thông thoáng. Bón phân đầy đủ, cân đối, hợp lý tránh bón thừa đạm, nên bón kết hợp với các chế phẩm sinh học như *Trichoderma* sp, *Ketomium*... để hạn chế sự phát triển của nấm. Khi phát hiện cây hồ tiêu có dấu hiệu bệnh, dùng các loại thuốc có hoạt chất như *Fosetyl Aluminium*, *Metalaxyl*... pha ở nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun quanh gốc và toàn bộ tán lá. Xử lý 2 - 3 lần, mỗi lần cách nhau 15 ngày.

- **Trên cây điều:** Tăng cường kiểm tra đồng ruộng nếu thấy bọ xít muỗi xuất hiện và gây hại tiến hành sử dụng các hoạt chất như *Citrus oil*, *Permethrin* để phòng trừ. Phòng trừ bọ xít muỗi hại điều theo Văn bản số 453/BVTV-QLSVGHR ngày 15/3/2017 của Cục Bảo vệ thực vật về việc ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư gây hại trên cây điều.

- Trên các loại cây ăn quả:

+ Trên cây chanh dây: Đối với nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, thối thân thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*): Khi bệnh mới chớm xuất hiện, sử dụng luân phiên thuốc có các hoạt chất như *Tebuconazole*, *Mancozeb*, *Propineb*,

Metalaxyl, Dimethomorph, Difenoconazole, Azoxystrobin, Chlorothalonil, Fosetyl Aluminium, Hexaconazole... để phòng trừ. Phun khi cây ra chồi mới, bệnh nặng, cần phun lại lần 2 cách lần 1 khoảng 7 - 10 ngày. Tưới, sục gốc hoặc quét các loại thuốc có hoạt chất như *Fosetyl Aluminium, Mancozeb, Metalaxyl...* lên các gốc cây chớm bị bệnh thối gốc phình thân và các cây xung quanh 1 - 2 lần vào đầu và cuối mùa mưa. Đối với nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ): Treo bẫy dính vàng để dự tính dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus, thường xuyên kiểm tra vườn để phòng trừ kịp thời. Phun phòng trừ các môi giới truyền virus như rầy, rệp, bọ phấn và côn trùng khác ngay sau khi trồng cây bằng thuốc có chứa các hoạt chất: *Spirotetramat, Abamectin, Emamectin benzoate, Matriline...* Sau đó có thể sử dụng các thuốc trên để phòng trừ khi điều tra thấy các côn trùng môi giới gây hại trong vườn.

+ Trên cây sầu riêng: Đối với bệnh cháy lá chết đọt: Thu dọn các lá rụng ở vườn mang đi tiêu hủy, dọn sạch cỏ dại thường xuyên để vườn cây luôn thoáng mát; thường xuyên thăm vườn, nếu phát hiện dấu hiệu của bệnh có thể sử dụng một trong các loại thuốc như *Agri-Fos 400SL, Actino-Iron 1.3SP...* pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ. Ngoài ra, đối với bệnh xì mủ thối thân (*do nấm Phytophthora sp gây ra*) khi phát hiện bệnh gây hại trên thân, càn dùng dao cạo bỏ hết phần vỏ bị thối, sử dụng hỗn hợp *Fosetyl-aluminium 25g/10 lít nước + Mancozeb + Metalaxyl* dùng cọ bôi lên vết bệnh nhiều lần đến khi vết bệnh khô hẳn; pha 40ml thuốc *Phosphorous acid* và 20g *Fosetyl-aluminium* vào bình 8 lít để tưới ướt gốc và toàn bộ vùng rễ để phòng trừ.

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật gây hại và công tác chỉ đạo, hướng dẫn ở UBND cấp xã; tổ chức kiểm tra thực tế tình hình sinh vật gây hại trên đồng ruộng; kịp thời phối hợp, hỗ trợ UBND cấp xã chỉ đạo phòng chống hiệu quả, ngăn chặn kịp thời, tránh để lây lan. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo kịp thời về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để được hướng dẫn./

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt (b/c);
- Cục Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ngô Duy Đông

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ
(Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 02/10/2024)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Bọ trĩ	48				48	-	-	-	Kbang
2	Sâu cuốn lá nhỏ	105,0				105,0	-186,3	+90,0	10,0	Phú Thiện, Đak Đoa, Đứ Cơ
3	Bệnh khô vằn	318,3	2,0			320,3	+4,5	-1,7	9,0	Mang Yang, Chư Păh, Ia Grai
4	Sâu đục thân (Bông bạc)	11,0				11,0	-11,2	+10,7	4,7	An Khê
5	Bệnh đốm nâu	362,8				362,8	-35,0	-10,2	10,0	Đứ Cơ, Đak Đoa, Mang Yang, Pleiku.
II	Cây Cà phê									
1	Rệp sáp	631,5	8,0			639,5	-7,2	+280,5	135	Kbang, Ia Grai, Pleiku, Chư Puh
2	Rệp vảy (xanh, nâu)	730,5	12,0			742,5	-29,4	+698,0	113	Mang Yang, Ia Grai, Pleiku
3	Bệnh khô cành	898,0	243,5			1.141,5	-2,0	-2.188,3	576	Chư Prông, Đak Đoa, Đứ Cơ...
4	Bệnh khô quả	40,0	10,0			50,0	-5,0	+50,0	-	Chư Păh
III	Cây Tiêu									
	Bệnh chết chậm	397	301,3	92,3		790,6	-	-1,6	174	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa...
IV	Cây Sắn									
	Khảm lá virus	1.191,4	245,3	50,3		1.487,0	-	-5.201,4	-	Krông Pa, Ia Pa, Ayun Pa, Phú Thiện...